

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2023/DS-PT

Ngày: 13 - 02 - 2023

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Đình Sớm;

Các Thẩm phán: Ông Lê Văn Hà;

Ông Lưu Anh Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thy Thy-Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Thanh Lương - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 96/2022/TLPT-DS ngày 10 tháng 11 năm 2022 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”;

Do bản án dân sự sơ thẩm số 13/2022/DS-ST ngày 06 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Gia Lai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 08/2023/QĐ-PT ngày 30 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Bá K, sinh năm 1987; bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1990; cùng địa chỉ: Tổ dân phố 3, thị trấn P, huyện C, tỉnh Gia Lai.

(Bà Nguyễn Thị L uỷ quyền cho ông Nguyễn Bá K tham gia tố tụng). Ông K có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Rơ Châm B, sinh năm 1960; bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1962; cùng địa chỉ: Làng K, thị trấn P, huyện C, tỉnh Gia Lai. Cả hai đều có mặt.

3. Người kháng cáo: Ông Rơ Châm B và bà Nguyễn Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 15 tháng 10 năm 2020, bản tự khai, tài liệu có tại hồ sơ và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Nguyễn Bá K trình bày:

Ngày 04/4/2019, ông Nguyễn Bá K và bà Nguyễn Thị L có nhận chuyển nhượng của bà Trần Thị T và ông Phạm Đình Đ thửa đất số 21, tờ bản đồ 17, diện tích 236,5m² tại tổ dân phố 3, thị trấn P, huyện C đã được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ngày 30/8/2013 (Nguồn gốc đầu tiên là cấp cho bà Đỗ Thị G năm 2004, nguồn gốc sử dụng

nhà ở là năm 1999). Đến khoảng tháng 11 năm 2019, ông bà có ý định tháo dỡ nhà cũ của bà Đỗ Thị G xây dựng năm 1999 do nó đã quá cũ và xuống cấp để xây nhà mới, thì lúc đó Ông K mới thấy cái hàng rào dài khoảng 09m được làm bằng trụ và lưới B40 lấn sang phần đất mà gia đình ông đã nhận chuyển nhượng và đang sử dụng, ông không biết là cái bờ rào đó là của ai nhưng vẫn xuống nhà của ông Rơ Châm B khoảng 03 lần, hai bên có trao đổi qua lại và được bà Nguyễn Thị H và ông Rơ Châm B đồng ý cho tháo dỡ phần hàng rào đó để xây dựng hàng rào cho đúng ranh giới đã mua và sử dụng, lúc đó bà H có nói “đất của cháu thì cháu cứ tháo dỡ cứ làm cho đúng” sau đó ông mới về tháo dỡ, khi tháo dỡ hàng rào và cái nhà cũ xong, thuê thợ đến đào móng thì lúc đó gia đình bà H mới ra đe dọa ngăn cấm ông thực hiện quyền sử dụng đất và xây dựng nhà ở của mình và yêu cầu ông xê dịch vị trí phần đất của ông đã mua.

Về bản đồ địa chính: Đã được đo đạc năm 2000, ranh giới rõ ràng, sử dụng ổn định không tranh chấp tại thời điểm đó đã được Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Gia Lai phê duyệt.

Hiện trạng: Ranh giới, mốc giới rõ ràng, sử dụng nhà ở ổn định từ năm 1999 đến nay. Hiện tại nhà đã tháo dỡ nhưng móng nhà được xây dựng năm 1999 vẫn còn ngoài thực địa.

Trong đơn khởi kiện ông yêu cầu bà Nguyễn Thị H và ông Rơ Châm B phải trả lại đúng hiện trạng, đúng ranh giới, mốc giới ban đầu và trả lại diện tích đất lấn chiếm khoảng 115m². Sau khi Tòa án tiến hành thẩm định tại chỗ và định giá tài sản thì diện tích đo đạc thực tế phần đất tranh chấp của ông với bà H, ông B là 124,3m², do đó Ông K yêu cầu bà Nguyễn Thị H và ông Rơ Châm B phải trả lại diện tích đất lấn chiếm là 124,3m², trả lại đúng hiện trạng, đúng ranh giới đất theo đo đạc thực tế. Ngoài ra, ông Nguyễn Bá K không có yêu cầu gì thêm.

Bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Nguồn gốc đất của gia đình bà là nhận chuyển nhượng của ông Rơ Châm D từ năm 2004, đất chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khi chuyển nhượng hai bên chỉ viết giấy tay với nhau, chưa được công chứng chứng thực của cơ quan có thẩm quyền. Gia đình bà nhận chuyển nhượng diện tích đất 30 x 70m tại làng I, thị trấn P, huyện C. Khi mua thì hai bên có đi đo lại, nhưng không đo bằng thước mà đo bằng cây và gang tay ước lượng mét, phía trước không đủ chỉ được khoảng 23m-24m, phía sau thì đủ 30m. Khi đó bà rào lại đất và trồng cây ngăn ngày, 03 năm sau thì trồng trụ tiêu. Gia đình nhà bà G xây nhà trước khi gia đình bà nhận chuyển nhượng đất với ông D, vì ông D là người đồng bào không hiểu biết, nên khi gia đình nhà bà G xây nhà lấn qua đất của ông D, tường nhà phía trước lấn khoảng 20-30cm, phía sau lấn khoảng 1,5m-02m. Đến khi gia đình bà nhận chuyển nhượng lại thì gia đình bà có nói bà G, bà G nói bà đã có bìa đỏ, nhưng bìa đỏ đang thế chấp tại ngân hàng, khi nào bà G lấy bìa đỏ về thì bà G cũng chỉ lấy đất của bà theo bìa đỏ thôi.

Thửa đất này bà G đã chuyển nhượng cho người khác là ông Phạm Đình Đ và bà Nguyễn Thị A, sau này ông Đ, bà A chuyển nhượng lại cho Ông K, bà L thì hai bên xảy ra tranh chấp. Nguyên nhân, là đất Ông K nhận chuyển nhượng thì lô đất xéo mặt đường,

Ông K có xuống nhà bà xin mua lại phía sau, nhưng gia đình bà không đồng ý bán. Năm 2019, Ông K đập nhà cũ của bà G và ủ luôn hàng rào bằng gạch của gia đình bà.

Khi Ông K ủ hàng rào khoảng 19,4m, nhỏ 16 trụ tiêu, 01 cây mít 01 tuổi, làm hư hỏng hệ thống ống tưới tiêu bằng nhựa chôn dưới đất, khoảng 10m lưới B40, cao 1,5m, trồng theo dọc bờ rào 05 trụ rào bằng xi măng, 05 trụ bằng gỗ và khoảng 30m kềm gai, lấn diện tích đất phía sau khoảng trên 03m thì gia đình bà không biết. Bà có nói chuyện với Ông K nhưng hai bên không thỏa thuận được, Ông K còn cố tình xây móng trên đất nhà bà nên chồng và con bà ra can thiệp thì Ông K gọi công an thị trấn xuống, công an yêu cầu hai bên giữ nguyên hiện trạng. Sau đó Ông K gửi đơn lên Ủy ban nhân dân thị trấn P để giải quyết, kết quả giải quyết không thành.

Nay Ông K yêu cầu bà phải trả lại diện tích đất là 124,3m², trả lại đúng hiện trạng, đúng ranh giới đất theo đo đạc thực tế. Bà không đồng ý với yêu cầu này, vì diện tích đất này là đất của gia đình bà, bà không đồng ý trả lại cho Ông K, bà L. Bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Giải quyết theo đúng bìa đồ đủ diện tích của Ông K, bà không lấn chiếm đất của Ông K.

- *Bị đơn ông Rơ Châm B trình bày:* Ông đồng ý với ý kiến trình bày của bà Nguyễn Thị H, ông không đồng ý trả lại diện tích đất 124,3m² theo yêu cầu của nguyên đơn. Vì diện tích đất này là của gia đình ông, ông không lấn chiếm đất của Ông K, bà L.

Ngoài ra, ông B, bà H không có yêu cầu gì thêm.

- *Tại biên bản lấy lời khai người làm chứng ông Rơ Châm D trình bày:* Năm 2004, ông có chuyển nhượng cho ông Rơ Châm B và bà Nguyễn Thị H diện tích đất 30 x 70m tại làng I, thị trấn P, huyện C. Khi bán thì hai bên có đi đo lại, nhưng không đo bằng thước mà đo bằng cây và gang tay ước lượng mét, phía trước không đủ chỉ được khoảng 23m-24m, phía sau thì đủ 30m. Khi đó ông B và H rào lại đất và trồng cây ngăn ngày trên đất. Khoảng năm 1999, khi bà G xây nhà trên đất của ông, ông có nói đây là đất của ông thì bà G không chịu trả, ông có nhờ thôn trưởng can thiệp nhưng thôn trưởng không giải quyết, nên ông bỏ luôn, để cho bà G xây nhà không đòi nữa, đất của bà G dọc theo nhà của bà G, còn đất của ông bán cho ông B và H giáp với đất của bà G, ông B rào lại đúng diện tích, không lấn chiếm gì. Khi ông bán đất cho ông B thì đất của bà G đã được cấp bìa đồ, nhưng không rào lại ranh giới. Ngoài ra, ông D không Vnh bày gì thêm.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 13/2022/DS-ST ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Gia Lai đã quyết định:

Căn cứ khoản 9 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, 157, 165, 244, 267, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 166 của Bộ luật dân sự. Điều 166, 203 Luật đất đai 2013.

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Bá K và bà Nguyễn Thị L.

Buộc ông Rơ Châm B và bà Nguyễn Thị H phải trả lại cho ông Nguyễn Bá K và bà Nguyễn Thị L quyền sử dụng đất đối với diện tích 124,3m², thuộc thửa đất số 21, tờ

bản đồ số 17 đã được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 454198 ngày 03/8/2013. Đất có tứ cận: phía Đông giáp đất ông P bà O; phía Nam giáp đất ông B bà H; phía Tây giáp đất ông O; phía Bắc giáp với đường tỉnh lộ 661 tại tổ dân phố 3, thị trấn P, huyện C, tỉnh Gia Lai. (Kèm theo sơ đồ thửa đất)

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 8.000.000 đồng nguyên đơn Ông K tự nguyện chịu toàn bộ, Ông K đã nộp đủ.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Rơ Châm B và bà Nguyễn Thị H phải chịu 9.766.400 đồng án phí dân sự có giá ngạch để nộp vào ngân sách Nhà nước.

Trả lại cho ông Nguyễn Bá K và bà Nguyễn Thị L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.500.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0010243 ngày 05 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Gia Lai.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn thông báo quyền yêu cầu, tự nguyện hoặc bị cưỡng chế thi hành án và thời hiệu thi hành án; tuyên quyền kháng cáo của các đương sự.

- Ngày 15 tháng 9 năm 2022 bị đơn ông Rơ Châm B và bà Nguyễn Thị H kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 13/2022/DS-ST ngày 06 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Gia Lai đề nghị xét xử lại vụ án.

- Tại phiên toà phúc thẩm:
 - + Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.
 - + Người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:
 - + Về tố tụng: Hội đồng xét xử và các đương sự tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý vụ án đến phiên toà xét xử vụ án.
 - + Về nội dung: Sau khi phân tích các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và quá trình diễn biến tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa; Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về tố tụng: Nguồn gốc đất của ông Nguyễn Bá K bà Nguyễn Thị L đang sử dụng tại tổ 3, thị trấn P, huyện C, tỉnh Gia Lai là do nhận chuyển nhượng của bà Trần Thị Thơ ông Phạm Đình Lập vào năm 2019, được chỉnh lý biến động sang tên tại trang 4 (Thửa số 21, tờ bản đồ số 17, diện tích 236,5m²) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (Gọi tắt GCNQSDĐ) số BM 454 198 do Ủy ban nhân dân (UBND) huyện C cấp ngày 30/8/2013. Trong quá trình sử dụng Ông K bà L cho rằng ông Rơ Châm B bà Nguyễn Thị Hoà là hộ liền kề lấn chiếm phần đất thuộc quyền sử dụng hợp pháp của mình diện tích 124,3m² Ông K bà L yêu cầu ông

B bà H trả lại diện tích đất trên, Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng thẩm quyền.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn ông Rơ Châm B bà Nguyễn Thị Hoà thấy rằng:

[2.1] Thừa đất do ông B bà H sử dụng tại tổ 3, thị trấn P, huyện C có nguồn gốc nhận chuyển nhượng của ông Rơ Châm D năm 2004 (Giấy sang nhượng đất photo, không được cơ quan nhà nước chứng thực BL 59). Qua xem xét nội dung, thì thừa đất ông B bà H nhận chuyển nhượng (Thửa số 23) không ghi diện tích, có ghi cạnh phía Tây giáp đất bà Đỗ Thị G dài 70m, đối chiếu với hồ sơ đăng ký quyền sử dụng đất của bà G thì không phù hợp gồm: Sơ hoạ mốc giới được UBND thị trấn P xác nhận năm 2004 có cạnh phía Đông giáp thửa số 23 dài 44m; đo vẽ sơ đồ năm 2011 là 43m (BL 106, 92). Trong quá trình sử dụng đất, ông B bà H không thực hiện nghĩa vụ kê khai, đăng ký hoặc nộp thuế thừa đất đã nhận chuyển nhượng theo quy định tại khoản 1 Điều 46, khoản 2, 3 Điều 107 Luật đất đai năm 2003 để nhà nước ghi nhận quyền sử dụng đất hợp pháp đối với thửa đất nhận chuyển nhượng (ghi nhận tình trạng pháp lý về quyền quản lý, quyền sử dụng), trong đó có diện tích đất 124,3m² đang tranh chấp. Căn cứ Điều 50 Luật đất đai năm 2003 (Điều 100 Luật Đất đai năm 2013) thì ông B bà H không có bất kỳ giấy tờ nào chứng minh diện tích 124,3m² thuộc thửa số 21, tờ bản đồ số 17, toạ lạc tại tổ 3, thị trấn P, huyện C, tỉnh Gia Lai thuộc quyền sử dụng của mình.

[2.2] Thửa đất số 21, tờ bản đồ số 17 do Ông K bà L đang sử dụng được nhà nước công nhận, có nguồn gốc từ bà Trần Thị Th chuyển nhượng cho bà Đỗ Thị G được UBND thị trấn P xác nhận ngày 28/4/1999 (BL 114) bà G kê khai đăng ký, nộp thuế được UBND huyện C cấp GCNQSDĐ số AA 255686 ngày 06/9/2004 có kích thước mặt giáp đường tỉnh lộ 673 là 11m, mặt sau 11m, hai cạnh bên là 43m, 44m. Diện tích 473m² (BL 23-15), (BL 116-88) Năm 2011, bà G chuyển nhượng một phần diện tích 236,5m² cho ông Vũ Duy V (BL 97-94). Năm 2013, ông V chuyển nhượng lại cho bà Trần Thị T. Năm 2019, bà A chuyển nhượng tiếp cho Ông K bà L toàn bộ diện tích 236,5m², GCNQSDĐ số BM 454 198 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 30/8/2013. Tuy thửa đất Ông K bà L nhận chuyển nhượng có sự biến động sang tên qua nhiều người nhưng diện tích, tứ cận, trích lục thửa đất không thay đổi; đối chiếu với biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và sơ đồ hiện trạng (BL 137), thì phần đất thửa số 21 nêu trên thiếu 128,3m² (236,5 - 108,2) so với diện tích GCNQSDĐ được công nhận, trong đó có diện tích 124,3m² do ông B bà H sử dụng.

[3]. Từ phân tích trên, xét thấy Ông K bà L sử dụng thửa đất số 21, tờ bản đồ số 17 được nhà nước cấp GCNQSDĐ diện tích 236,5m² hiện do ông B bà H lấn chiếm sử dụng diện tích 124,3m². Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông K bà L, buộc ông Rơ Châm B bà Nguyễn Thị Hoà trả lại diện tích lấn chiếm nêu trên là có căn cứ. Tại phiên tòa hôm nay, ông B bà H không xuất trình được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ, nên kháng cáo của ông Rơ Châm B bà Nguyễn Thị H là không có cơ sở chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do không chấp nhận kháng cáo nên ông Rơ Châm B bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lý trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;
Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Rơ Châm B bà Nguyễn Thị H;
Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 13/2022/DS-ST ngày 06 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Gia Lai về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”; giữa nguyên đơn ông Nguyễn Bá K bà Nguyễn Thị L với bị đơn ông Rơ Châm B bà Nguyễn Thị H.

2. Căn cứ khoản 9 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, 157, 165, 244, 267, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 166 của Bộ luật dân sự. Điều 166, 203 Luật đất đai 2013.

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Bá K và bà Nguyễn Thị L.

Buộc ông Rơ Châm B và bà Nguyễn Thị H phải trả lại cho ông Nguyễn Bá K và bà Nguyễn Thị L quyền sử dụng đất đối với diện tích 124,3m², thuộc thửa đất số 21, tờ bản đồ số 17 đã được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 454198 ngày 03/8/2013. Đất có tứ cận: phía Đông giáp đất ông P bà O; phía Nam giáp đất ông B bà H; phía Tây giáp đất ông O; phía Bắc giáp với đường tỉnh lộ 661 tại tổ dân phố 3, thị trấn P, huyện C, tỉnh Gia Lai.

(Kèm theo sơ đồ thửa đất)

3. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 8.000.000 đồng nguyên đơn Ông K tự nguyện chịu toàn bộ, Ông K đã nộp đủ.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Rơ Châm B và bà Nguyễn Thị H phải chịu 9.766.400 đồng án phí dân sự có giá ngạch để nộp vào ngân sách Nhà nước.

Trả lại cho ông Nguyễn Bá K và bà Nguyễn Thị L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.500.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0010243 ngày 05 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Gia Lai.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Căn cứ khoản 1 Điều 148; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc ông Rơ Châm B và bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm được khấu trừ số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã tạm nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0007251 ngày 30-9-2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Gia Lai.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Gia Lai;
- TAND huyện Chư Pah;
- Chi cục THADS huyện Chư Pah;
- Các đương sự;
- Lưu TDS, HSVA, AV, VT

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Đình Sớm